

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 452/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 25 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh một số nội dung trong Đề án “Phát triển khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, có tính đến năm 2030”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ “Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025”;

Căn cứ Công văn số 579-CV/TU ngày 05 tháng 7 năm 2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Kon Tum về việc chủ trương điều chỉnh định hướng phát triển Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về ban hành Đề án “Phát triển Khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, có tính đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình số 23/TTr-BQLKKT ngày 18 tháng 7 năm 2022 về việc điều chỉnh một số nội dung trong Đề án “Phát triển khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, có tính đến năm 2030”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh một số nội dung trong Đề án “Phát triển Khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, có tính đến năm 2030” đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum phê duyệt tại Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 (sau đây gọi tắt là Đề án). Cụ thể như sau:

1. Mục tiêu phát triển:

Điều chỉnh mục tiêu phát triển (mục tiêu cụ thể): Đến năm 2030 có 04 khu

công nghiệp, với tổng diện tích khoảng 556,76 ha⁽⁴⁾.

2. Định hướng phát triển các khu công nghiệp⁽⁵⁾:

- Giữ nguyên quy hoạch các khu công nghiệp đã có trong quy hoạch Khu công nghiệp Việt Nam, gồm 03 khu công nghiệp sau: (1) Khu công nghiệp Hòa Bình (60 ha, tại Phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum); (2) Khu công nghiệp Sao Mai (150 ha, tại xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum); (3) Khu công nghiệp Đắk Tô (146,76 ha, tại thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô).

- Bổ sung quy hoạch Khu công nghiệp sản xuất, chế biến dược liệu tập trung có quy mô diện tích khoảng 200 ha tại xã Tân Cảnh và thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô.

- Giữ nguyên Khu công nghiệp Bờ Y trong Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y nhưng điều chỉnh giảm diện tích còn khoảng 385 ha và điều chỉnh vị trí đến vị trí mới tại xã Đắk Kan, huyện Ngọc Hồi (gần Quốc lộ 14C). Khu công nghiệp Bờ Y sẽ triển khai thực hiện sau năm 2030, trong giai đoạn này chỉ nghiên cứu, tổ chức lập quy hoạch, chưa thực hiện đầu tư.

*** Dự kiến đến năm 2030 có 04 khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh với tổng diện tích khoảng 556,76 ha.**

3. Dự kiến nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng Khu kinh tế, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp⁽⁶⁾:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp đến năm 2030 khoảng 103.134,68 tỷ đồng.

- Giai đoạn 2026 - 2030: Khoảng 59.741,5 tỷ đồng (trước mắt dự kiến nguồn vốn đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn kêu gọi đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác). Cụ thể:

- + Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y: khoảng 57.989 tỷ đồng.
- + Khu công nghiệp: 0 đồng.
- + Cụm công nghiệp: khoảng 1.752,5 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo)

Ghi chú: Phụ lục 1 kèm theo Quyết định này thay thế Phụ lục 6 kèm theo Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

⁽⁴⁾ Được nêu tại gạch đầu dòng thứ 2 điểm b mục 2 Điều 1 Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và gạch đầu dòng thứ 2 điểm 4 mục 2 phần I Chương 3 (trang 14) của Đề án.

⁽⁵⁾ Được nêu tại điểm b) mục 3 Điều 1 Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh và tại điểm b) mục 2 phần II Chương 3: Định hướng phát triển các Khu công nghiệp giai đoạn 2021 - 2025, có tính đến năm 2030 (trang 15) của Đề án.

⁽⁶⁾ Được nêu tại Mục 4 phần II Chương 3 (Trang 19) của Đề án.

4. Các nội dung khác không điều chỉnh, thực hiện theo Đề án đã được ban hành tại Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện Đề án đảm bảo hiệu quả.

2. Tiếp tục thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã được giao tại Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Lê Ngọc Tuấn

Phụ lục 01**Quy hoạch và dự kiến nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp đến năm 2030***(Kèm theo Quyết định số 452/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

TT	Tên khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp	Vị trí	Giai đoạn 2021-2025 (*)					Giai đoạn 2026-2030 (*)					Ghi chú
			Số KKT, KCN, CCN	Diện tích (ha)	Nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng (tỷ đồng)			Số KCN, CCN	Diện tích (ha)	Nhu cầu vốn đầu tư hạ tầng (tỷ đồng)			
					Tổng số	Ngân sách	Kêu gọi đầu tư			Tổng số	Ngân sách	Kêu gọi đầu tư	
	Tổng cộng (A+B+C)		28,00	17.626,09	43.393,18	421,58	42.971,60	10,00	664,50	59.741,50	105,40	59.636,10	
A	Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y	Huyện Ngọc Hồi	1	16.000,00	40.629,00	76,90	40.552,10			57.989,00		57.989,00	Đến năm 2030: Có 01 Khu kinh tế, diện tích 16.000 ha với tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 98.618 tỷ đồng
B	Khu công nghiệp		4	556,76	1.105,18	254,68	850,50	-	-	-	-	-	Đến năm 2030: Có 04 KCN, diện tích 556,76 ha với tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 1.105,18 tỷ đồng
1	Khu công nghiệp Hòa Bình	Phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum	1	60,00									Đã hoàn thành đầu tư hạ tầng
2	Khu công nghiệp Sao Mai	Xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	1	150,00	254,68	254,68							Đang đầu tư hạ tầng, 100% vốn NSNN
3	Khu công nghiệp Đăk Tô	Thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô	1	146,76	406,50		406,50						100% vốn kêu gọi nhà đầu tư
4	Bổ sung quy hoạch: Khu công nghiệp sản xuất, chế biến dược	Xã Tân Cảnh và thị trấn Đăk Tô	1	200,00	444,00		444,00						Bổ sung quy hoạch; 100% vốn kêu gọi nhà đầu tư

	liệu tập trung													
C	Cụm công nghiệp		23,00	1.069,33	1.659,00	90,00	1.569,00	10,00	664,50	1.752,50	105,40	1.647,10	Đến năm 2030: Có 33 Cụm công nghiệp, diện tích 1.733,825 ha với tổng nhu cầu vốn đầu tư khoảng 3.411,5 tỷ đồng	
I	Tại thành phố Kon Tum		9	526,19	709,20	30,00	679,20	4,00	289,50	1.122,00	105,40	1.016,60		
1	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Thanh Trung	Xã Vinh Quang, thành phố Kon Tum	1	70,29	58,60		58,60						Đã hoạt động	
2	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Hòa Bình	Xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	1	70,00	102,00		102,00						Đã hoạt động	
3	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp H'Nor	Phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum	1	18,30	42,60		42,60						Đã hoạt động	
4	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp (ngành nghề phân loại, làm sạch, tái chế phế liệu)	Tại 01 xã của thành phố Kon Tum	1	25,00	30,00	30,00							Đã quy hoạch, chưa thành lập	
5	Bổ sung quy hoạch: Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp tại phường Ngô Mây và xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum	Phường Ngô Mây và xã Đăk Cấm, thành phố Kon Tum	1	62,60						630,00	105,40	524,60	Đã thành lập CCN, phê duyệt QHCT. Nhà nước thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng; vốn đầu tư hạ tầng kêu gọi nhà đầu tư	
6	Bổ sung quy hoạch 8 cụm công nghiệp tại khu vực phía Nam thành phố Kon Tum (quy mô bình quân 70 ha/1 cụm công nghiệp)	xã Ia Chim và xã Hòa Bình, thành phố Kon Tum	4	280,00	476,00		476,00	4,00	289,50	492,00		492,00	Bổ sung quy hoạch; 100% vốn kêu gọi nhà đầu tư	
II	Huyện Đăk Hà		3	114,38	202,00	30,00	172,00	1,00	75,00	127,50	-	127,50		

1	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, làng nghề thị trấn Đắk Hà	Huyện Đắk Hà	1	10,60	10,00		10,00						Đã hoạt động
2	Cụm công nghiệp Đắk La	Huyện Đắk Hà	1	73,78	141,00		141,00						Đã hoạt động
3	Cụm công nghiệp Đắk Mar	Huyện Đắk Hà	1	30,00	51,00	30,00	21,00						Đã hoạt động
4	Bổ sung quy hoạch: 01 Cụm công nghiệp (dự kiến tại khu vực phía Nam huyện Đắk Hà)	Huyện Đắk Hà						1,00	75,00	127,50		127,50	Bổ sung quy hoạch
III	Huyện Đắk Tô		2	74,76	156,00	30,00	126,00	-	-	-	-	-	
1	Cụm công nghiệp và Dịch vụ 24/4 thị trấn Đắk Tô	Huyện Đắk Tô	1	24,76	35,00		35,00						Đã hoạt động
2	Cụm công nghiệp phía Tây thị trấn Đắk Tô, huyện Đắk Tô	Huyện Đắk Tô	1	50,00	121,00	30,00	91,00						Đã thành lập, chưa hoạt động
IV	Huyện Ngọc Hồi		3	199,00	338,30	-	338,30	1,00	50,00	85,00	-	85,00	
1	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Đắk Nông	Huyện Ngọc Hồi	1	75,00	127,50		127,50						Đã quy hoạch, chưa thành lập; điều chỉnh quy mô từ 50 ha lên 75 ha
2	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp xã Đắk Xú	Thị trấn Plei Kần và xã Đắk Kan, huyện, Ngọc Hồi	1	74,00	125,80		125,80						Điều chỉnh vị trí Cụm công nghiệp từ xã Đắk Xú đến vị trí mới tại thị trấn Plei Kần và xã Đắk Kan; điều chỉnh quy mô từ 10 ha lên 74 ha
3	Bổ sung quy hoạch: 01 Cụm công nghiệp (dự kiến tại xã Đắk Kan)	Huyện Ngọc Hồi	1	50,00	85,00		85,00						Bổ sung quy hoạch
4	Bổ sung quy hoạch: 01 Cụm công nghiệp (dự kiến tại xã Sa Loong)	Huyện Ngọc Hồi						1,00	50,00	85,00		85,00	Bổ sung quy hoạch

V	Huyện Đắk Glei		1	20,00	34,00	-	34,00	1,00	50,00	85,00	-	85,00	
1	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Đắk Sút, huyện Đắk Glei	Huyện Đắk Glei	1	20,00	34,00		34,00						Đã thành lập, chưa hoạt động
2	Bổ sung quy hoạch: 01 Cụm công nghiệp	Huyện Đắk Glei						1,00	50,00	85,00		85,00	Bổ sung quy hoạch
VI	Huyện Tu Mơ Rông		1	15,00	25,50	-	25,50	1,00	70,00	119,00	-	119,00	
1	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Mô Pá	Huyện Tu Mơ Rông	1	15,00	25,50		25,50						Đã quy hoạch, chưa thành lập
2	Bổ sung quy hoạch: 01 Cụm công nghiệp (bám dọc Quốc lộ 14B)	Huyện Tu Mơ Rông						1,00	70,00	119,00		119,00	Bổ sung quy hoạch
VII	Huyện Kon Plông		1	20,00	33,00	-	33,00	1,00	50,00	85,00	-	85,00	
1	Cụm công nghiệp huyện Kon Plông (dự kiến tại xã Măng Cành)	Huyện Kon Plông	1	20,00	33,00		33,00						Bổ sung quy hoạch
2	Bổ sung quy hoạch: 01 Cụm công nghiệp (dự kiến tại xã Pờ Ê)	Huyện Kon Plông						1,00	50,00	85,00		85,00	Bổ sung quy hoạch
VII I	Huyện Kon Rẫy		1	20,00	25,00	-	25,00	-	30,00	44,00	-	44,00	
1	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Đắk Ruồng	Huyện Kon Rẫy	1	20,00	25,00		25,00		30,00	44,00		44,00	Đã thành lập, chưa hoạt động; giai đoạn 2026- 2030 điều chỉnh quy mô từ 20 ha lên 50 ha
IX	Huyện Sa Thầy		1	50,00	85,00	-	85,00	1,00	50,00	85,00	-	85,00	
1	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp thị trấn Sa Thầy	Huyện Sa Thầy	1	50,00	85,00		85,00						Đã thành lập, chưa hoạt động

2	Bổ sung quy hoạch: 01 Cụm công nghiệp (dự kiến tại xã Sa Nhơn)	Huyện Sa Thầy						1,00	50,00	85,00		85,00	Bổ sung quy hoạch
X	Huyện Ia H'Drai		1	30,00	51,00	-	51,00	-	-	-	-	-	
1	Cụm công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp Ia H'Drai	Huyện Ia H'Drai	1	30,00	51,00		51,00						Đã quy hoạch, chưa thành lập

* **Ghi chú:**

- Khu công nghiệp Bờ Y thuộc Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y chuyển sang thực hiện sau năm 2030. Trong giai đoạn này chỉ nghiên cứu, tổ chức lập quy hoạch, chưa thực hiện đầu tư.
- Số liệu của từng giai đoạn 2021-2025 và 2026-2030 được tính riêng; không lũy kế.